Ngày soạn: 25/2/2024

Ngày giảng:

**Tiết 53+54**

**LUYỆN TẬP CÔNG THỨC NGHIỆM CỦA PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI**

**I.Mục tiêu**

1. Kiến thức:

- H/s được củng cố KT về cách giải PT bậc hai dạng khuyết b hoặc c.

- Củng cố biệt thức Δ = b2- 4ac và các điều kiện của Δ để ptrình bậc hai 1 ẩn số vô nghiệm, có nghiệm kép; có 2 nghiệm phân biệt.

- Thấy được lợi ích của công thức nghiệm thu gọn.

- Xác định được b’ và biết tính ’, x1, x2 theo công thức nghiệm thu gọn



2. Kĩ năng:

- H/s vận dụng được CT nghiệm TQ của ptrình bậc hai một cách thành thạo

- H/s linh hoạt xét các t/hợp pt bậc 2 đặc biệt không cần sử dụng CT nghiệm tổng quát.

3. Thái độ:

- Cẩn thận, xem xột kĩ đề bài trước khi giải một bài toán.

II. **Chuẩn bị**

GV: Tài liệu hướng dẫn học

HS: Tài liệu hướng dẫn học, dụng cụ học tập

**II. Tiến trình tổ chức cỏc hoạt động**

**\*. Khởi động:**

**-** Chủ tịch HĐTQ tổ chức cho lớp chơi trò chơi.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐGV - HS** | **ND** | |
| **C. Hoạt động luyện tập**  1. Kiến thức:  - H/s được củng cố KT về cách giải PT bậc hai dạng khuyết b hoặc c.  - Củng cố biệt thức Δ =b2- 4ac và các điều kiện của Δ để ptrình bậc hai 1 ẩn số vô nghiệm, có nghiệm kép; có 2 nghiệm phân biệt.  2. Kĩ năng:  - H/s vận dụng được CT nghiệm TQ của ptrình bậc hai một cách thành thạo  - H/s linh hoạt xét các t/hợp pt bậc 2 đặc biệt không cần sử dụng CT nghiệm tổng quát. | | |
| ***(HSKT: cùng các bạn làm bài tập)***  **Bài 1**  -Nêu nhận xét về các PT a; b; c; d và nêu cách giải mỗi dạng PT đó?  H/s giải phtrình (cá nhân làm) 5’  Sau đó gọi h/s lên bảng trình bày và chia sẻ  - GV chữa những sai lầm HS (nếu có).  Và chốt KT, PP giải  **Bài 2**  - GV y/c HS nêu các bước làm, GV chốt các bước làm  - H/s hoạt động cặp đôi thực hiện theo các bước đã nêu  - Sau đó gọi h/s lên bảng trình bày  - G/v lưu ý h/s dấu pt.  - GV tổ chức HS chia sẻ, thóng nhất KQ  - Gv chốt KT của bài  \*) HDVN  - Nắm chắc công thức nghiệm thu gọn của PT bậc hai  - VN xem lại các bài tập đã chữa  - Đọc công thức nghiệm thu gọn của PT bậc hai  - Làm bài 3 bài 4, 5 | **Bài 1: Giải các PT:**  **a)** 4x2 **- 25 =0**  4x2 **= 25**    Vậy nghiệm của PT là  b)      Vậy ngiệm của PT là  c)  > 0 PT có hai nghiệm phân biệt  Vậy ngiệm của PT là  **d)**  PT có hai nghiệm phân biệt  Vậy ngiệm của PT là  **Bài 2**  **a)**        PT có hai nghiệm phân biệt  **b)**    PT có hai nghiệm phân biệt  **c)**    PT vô nghiệm  d)      PT có nghiệm kép  - Vận dụng giải pt:  a) 5x2 + 4x - 1 =0  a=5 ; b'=2; c = -1  Δ' = 9; =3 pt có 2 nghiệm    b) 3x2 + 8x + 4 =0  a=3; b = 8 ; c = 4  Δ' = 4>0 ; =2  => PT có 2 nghiệm:    c) 7x2 -6+2 =0  a=7; b = -6; c = 2; b' = -3  Δ' = (-3)2-7.2=4>0 ; =2  PT có 2 nghiệm: | |
| **Tiết 53**  **I.Mục tiêu**  1. Kiến thức:  - Biết được công nghiệm thu gọn  - Thấy được lợi ích của công thức nghiệm thu gọn.  - Xác định được b’ và biết tính ’, x1, x2 theo công thức nghiệm thu gọn  2. Kĩ năng:  - H/s vận dụng được CT nghiệm của ptrình bậc hai một cách thành thạo  3. Thái độ:  - Cẩn thận, xem xột kĩ đề bài trước khi giải một bài toán. | | |
| ***(HSKT: Biết công thức nghiệm thu gọn và cùng các bạn làm bài tập)***  PT ax2 + bx + c = 0 ()  H: Nếu đặt b = 2b’  - GV giới thiệu biệt thức  = b’2 - ac  + Nếu  < 0 thì PT vô nghiệm.  + Nếu  = 0 thì PT có nghiệm kép: x1 = x2 =  + Nếu  > 0 thì PT có 2 nghiệm phân biệt:    H: Nhận xét hệ số b của PT?  => b’ = ?  Gv HS HS giải mẫu 1 PT  HĐ cặp đôi giải PT VD2, gọi HS lên bảng báo cáo chia sẻ  GV nx, chốt KQ và các bước làm  B1: Xác định hệ số a, b’, c  B2: Tính  (Nếu b = 2b’)  B3: xác định và tính nghiệm của PT dựa vào GT của  vừa tìm được  - GV: vậy khi nào ta nên dùng CT nghiệm thu gọn?  (H/s: khi b chẵn, hoặc là bội chẵn của 1 căn; 1 biểu thức)  - GV nhấn mạnh khi nào dùng công thức nghiệm thu gọn.  - Yêu cầu HS vận dụng làm bài 3  - Cử HS lên bảng trình bày.  \*) HDVN  - Nắm chắc công thức nghiệm, công thức nghiệm thu gọn của PT bậc hai  - VN xem lại các bài tập đã chữa  - Làm bài 3c,d; bài 4, 5 | | **1. Công thức nghiệm thu gọn:**  PT ax2 + bx + c = 0 có  b = 2b’=> b’ = ,  = b’2 - ac  + Nếu  < 0 thì PT vô nghiệm.  + Nếu  = 0 thì PT có nghiệm kép: x1 = x2 =  + Nếu  > 0 thì PT có 2 nghiệm phân biệt:    x1 =  **2. Áp dụng:**  **VD1** : Giải PT: 5x2 + 4x - 1 = 0  a = 5 ; b’ = 2 ; c = -1  = 22 - 5.(-1) = 9 > 0.  = =3.  PT có 2 nghiệm phân biệt:  ;  **VD2:** Giải PT:  a). 3x2 + 8x + 4 = 0.  a = 3; b = 8 => b’ = 4; c = 4  = 42 - 3.4 = 4 > 0,  = = 2.  PT có hai nghiệm phân biệt:  ;  b) 8x2 - 10x + 2 = 0.  a = 8; b = -10 => b’ = -5; c = 2  = (-5)2 – 8.2 = 9 > 0  = 3.  PT có hai nghiệm phân biệt:    Bài 3: (SHD-46)  a)    PT có 2 nghiệm phân biệt: ;  b)    PT có 2 nghiệm phân biệt: ; |